

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 19/2020/DS-PT

Ngày 12/11/2020

V/v “*Tranh chấp Hợp đồng
bảo hiểm*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Hà;
Ông Trần Việt Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị: Ông Đỗ Hoàng Sâm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12/11/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2020/TLPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng bảo hiểm*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2020/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đ bị kháng cáo và bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 17/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Nguyễn Tú Tr, sinh năm 1998

Địa chỉ: Số 94 Ng, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Giản Thanh A, sinh năm 1980; địa chỉ: Khu phố B, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền lập ngày 08/7/2020), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Đức A; Địa chỉ: Số B đường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

2. Bị đơn: Tổng Công ty Bảo Việt Nh.

Trụ sở: Tầng M – Keangnam Ha Noi Landmark Tower, đường Phạm H, quận N, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Ngọc S, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Hà Học Kh – Phó Trưởng phòng pháp chế và tuân thủ; Ông Trần Phi H, sinh năm 1979 – Chuyên viên pháp chế thuộc Tổng Công ty Bảo Việt Nh là người đại diện theo ủy quyền (Văn ủy quyền lập ngày 30/10/2020); ông H có mặt, ông Kh vắng mặt.

Ông Trần Xuân H – Phó giám đốc Công ty Bảo Việt Nh Quảng Trị; địa chỉ: 7 H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (Văn bản ủy quyền lập ngày 30/10/2020), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Trần Thị Hoàng M; địa chỉ: Số 3 Tr, phường 5, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị H, sinh năm 1966

Địa chỉ: 7 đường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

4. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971

Địa chỉ: Số 5 H, phường M, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt

5. Do có kháng cáo của Tổng Công ty Bảo Việt Nh là bị đơn và bà Trần Thị H là Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án; Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/9/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Nguyễn Tú Tr trình bày:

Ngày 21/12/2015, bà Nguyễn Thị Thùy Tr ký kết Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ số 568701090 với Tổng Công ty Bảo Việt Nh, số tiền bảo hiểm là 300.000.000 đồng, thời hạn bảo hiểm: 20 năm từ ngày 15/12/2015 đến hết ngày 14/12/2035, người thụ hưởng chị Trương Nguyễn Tú Tr.

Quá trình thực hiện bảo hiểm, ngày 02/11/2018 bà Nguyễn Thị Thùy Tr chết. Sau khi bà Tr chết, chị Tr đã làm hồ sơ gửi đến Công ty Bảo Việt Nh Quảng Trị đề nghị giải quyết quyền lợi bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng.

Ngày 16/01/2018, Công ty Bảo Việt Nh Quảng Trị có Công văn số 10/BVNTQT về việc trả lời đơn thư khách hàng và ngày 07/12/2018, Công ty Bảo Việt Nh Quảng Trị có thông báo về việc giải quyết quyền lợi bảo hiểm, với nội dung: “*Người được bảo hiểm Nguyễn Thị Thùy Tr đã điều trị bệnh ung thư vú từ ngày 26/5/2015; Tuy nhiên, khi kê khai giấy yêu cầu bảo hiểm ngày 15/12/2015 BMBH/NĐBH đã trả lời “không” tại các câu hỏi về tình trạng sức khỏe... Căn cứ khoản 4.2 Điều khoản An Phát Hưng Gia về việc giải quyết đối với trường hợp vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin, Bảo Việt Nh chấm dứt hiệu lực hợp đồng số 568701090, không hoàn lại phí bảo hiểm đã đóng của hợp đồng*

chính và các sản phẩm hỗ trợ, không chịu trách nhiệm bảo hiểm về những rủi ro đã phát sinh đối với hợp đồng NDBH”.

Trong quá trình tham gia ký kết hợp đồng bảo hiểm, bà Nguyễn Thị Thùy Tr không được tư vấn viên Bảo Việt hướng dẫn các nội dung liên quan trước khi ký kết hợp đồng, đặc biệt không được giải thích về các điều khoản loại trừ bảo hiểm. Nhân viên bảo hiểm Trần Thị H tự ý kê khai toàn bộ vào giấy yêu cầu bảo hiểm, các mục trả lời “không” đều do nhân viên của Bảo Việt đánh dấu vào, sau đó nhờ bà H (chị ruột bà Tr) đưa đến cho bà Tr ký vào. Tư vấn viên Bảo Việt không tư vấn, không cung cấp thông tin có liên quan đến hợp đồng, giải thích các điều kiện, điều khoản loại trừ bảo hiểm.

Sau khi Bảo Việt thông báo từ chối bồi thường và không hoàn phí bảo hiểm, gia đình bà Tr đã kiểm tra thông tin trên hợp đồng và nhận thấy chữ viết trên giấy yêu cầu bảo hiểm không phải là chữ viết của bà Tr nên gia đình đã điện thoại cho tư vấn viên bà Trần Thị H để làm rõ vấn đề. Việc kê khai không đúng không phải lỗi của bên mua bảo hiểm mà do lỗi của tư vấn viên bảo hiểm đã không thực hiện việc tư vấn cho bên mua bảo hiểm và tự kê khai các thông tin tại hợp đồng bảo hiểm và giấy yêu cầu bảo hiểm nhằm giao kết được hợp đồng bảo hiểm. Hành vi của bà Trần Thị H là vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10. Do đó, tại Công văn số 10/BVNTQT cho rằng: Bên mua bảo hiểm (bà Nguyễn Thị Thùy Tr) vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin là không đúng.

Điều 88 Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định: *“Trong trường hợp đại lý bảo hiểm vi phạm hợp đồng đại lý bảo hiểm, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người được bảo hiểm thì doanh nghiệp bảo hiểm vẫn phải chịu trách nhiệm về hợp đồng bảo hiểm do đại lý bảo hiểm thu xếp giao kết; đại lý bảo hiểm có trách nhiệm bồi hoàn cho doanh nghiệp bảo hiểm các khoản tiền mà doanh nghiệp bảo hiểm đã bồi thường cho người được bảo hiểm”.*

Khoản 1 Điều 39 Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định về các trường hợp không trả tiền bảo hiểm như sau:

“Doanh nghiệp bảo hiểm không phải trả tiền bảo hiểm trong các trường hợp sau đây:

a) Người được bảo hiểm chết do tự tử trong thời hạn hai năm, kể từ ngày nộp khoản phí bảo hiểm đầu tiên hoặc kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm tiếp tục có hiệu lực.

b) Người được bảo hiểm chết hoặc bị thương tật vĩnh viễn do lỗi cố ý của bên mua bảo hiểm hoặc lỗi cố ý của người thụ hưởng;

c) Người được bảo hiểm chết do bị thi hành án tử hình”.

Căn cứ vào các quy định, thỏa thuận loại trừ bảo hiểm và không trả tiền bảo hiểm nêu trên thì trường hợp bà Nguyễn Thị Thùy Tr không rơi vào trường hợp bị loại trừ bảo hiểm và không trả tiền bảo hiểm.

Việc Tổng Công ty Bảo Việt Nh từ chối bồi thường tiền bảo hiểm đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị Trương Nguyễn Tú Tr. Do đó, chị Trương Nguyễn Tú Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Tổng Công ty Bảo Việt Nh phải bồi thường cho chị Trương Nguyễn Tú Tr số tiền 300.000.000 đồng.

Bị đơn Tổng Công ty Bảo Việt Nh trình bày:

Quá trình giao kết hợp đồng bảo hiểm (HDBH) số 568701090 của Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm (BMBH/NDBH) Nguyễn Thị Thùy Tr; Sau khi Tư vấn viên bà Trần Thị H tư vấn về hợp đồng bảo hiểm thì ngày 15/12/2015, bà Nguyễn Thị Thùy Tr đã lập Giấy yêu cầu bảo hiểm số UVL/2015-0433583 và đóng phí bảo hiểm ước tính để tham gia bảo hiểm. Trên cơ sở Giấy yêu cầu bảo hiểm số UVL/2015-0433583, Bảo Việt Nh đã chấp nhận và phát hành HDBH với thông tin cụ thể như sau:

Số Hợp đồng: 56870109 An Phát Hưng Gia; ngày thông báo chấp nhận hợp đồng: 15/12/2015; Ngày hiệu lực của hợp đồng: 15/12/2015, Số tiền bảo hiểm: 300.000.000 đồng; Người thụ hưởng của HDBH: Con đẻ: Trương Nguyễn Tú Tr.

Hiệu lực HĐ tính đến thời điểm NDBH tử vong (02/11/2018): 34 tháng 19 ngày; Tổng phí đóng đến thời điểm tử vong: 62.926.960 đồng.

Quá trình giải quyết quyền lợi bảo hiểm đối với rủi ro tử vong của BMBH/NDBH Nguyễn Thị Thùy Tr

Ngày 22/10/2018, Bảo Hiểm Nhân thọ nhận được Hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm (YCGQQLBH) đối với rủi ro tử vong của BMBH/NDBH Nguyễn Thị Thùy Tr.

Sau khi nhận được YCGQQLBH, Bảo Việt Nh đã xác minh được thông tin tại Bệnh viện TW Huế: Bà Nguyễn Thị Thùy Tr đã điều trị bệnh “Ung thư vú (P) di căn gan lách, nách, phổi” từ ngày 26/5/2015 đến ngày 14/6/2015, tức là: Người được bảo hiểm (NDBH) đã điều trị bệnh “Ung thư vú (P) di căn” trước khi tham gia bảo hiểm.

Tại thời điểm tham gia bảo hiểm nếu bà Tr kê khai đầy đủ thông tin về việc đã phát hiện và điều trị bệnh này trên Giấy yêu cầu bảo hiểm số UVL/2015-0433583 ngày 15/12/2015 thì theo quy định tại mục XVII.B.8 – Phần II BTC (bộ tiêu chuẩn) UM 02/2011, Bảo Việt Nh sẽ từ chối chấp nhận bảo hiểm.

Thực tế, tại Giấy yêu cầu bảo hiểm số UVL/2015-0433583 ngày 15/12/2015, BMBH/NDBH đã trả lời “không” tại câu hỏi thuộc phần V. Thông tin về sức khỏe, cụ thể: đã trả lời không tại câu hỏi số 17/A/II: “Khối u (lành tính hoặc ác tính), ung thư” và câu hỏi số 27/B/II “Trong một năm vừa qua bạn có đi khám bệnh và/hoặc làm xét nghiệm gì không”.

Tại trang 5, 6 Giấy yêu cầu bảo hiểm số UVL/2015-0433583, phần Cam kết và Ủy quyền có nội dung: “*Chúng tôi, BMBH/NDBH ... đã được Tư vấn viên (Đại lý bảo hiểm) của Bảo Việt Nh giải thích rõ về thủ tục yêu cầu bảo hiểm, tài liệu minh họa HDBH, các quyền lợi bảo hiểm, các điều kiện, điều khoản bảo hiểm.... Chúng tôi đồng ý mua bảo hiểm và cam kết những nội dung kê khai tại Giấy yêu cầu bảo hiểm này cũng như bất cứ thông tin nào khác mà chúng tôi cung cấp cho Bảo Việt Nh và/hoặc bác sỹ do Bảo Việt Nh chỉ định là đầy đủ và đúng sự thật. Chúng tôi không che giấu bất cứ thông tin nào có thể ảnh hưởng đến việc chấp nhận bảo hiểm và thực hiện bảo hiểm của Bảo Việt Nh. Chúng tôi hiểu và đồng ý rằng, việc kê khai hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ, không trung thực hoặc không chính xác có thể làm Hợp đồng bảo hiểm không phát sinh hiệu lực hoặc làm chấm dứt hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm được giao kết trên cơ sở Giấy yêu cầu bảo hiểm này.....Chúng tôi ký tên dưới đây cam kết rằng đã đọc, hiểu rõ và chấp nhận toàn bộ những nội dung đề cập ở trên*”. Việc BMBH/NDBH Nguyễn Thị Thùy Tr ký tên

trên Giấy yêu cầu bảo hiểm có nghĩa là khách hàng hiểu rõ và đồng ý, chịu trách nhiệm với tính đầy đủ, trung thực của tất cả nội dung kê khai tại các trang của Giấy yêu cầu bảo hiểm. Trong quá trình giải quyết khiếu nại liên quan đến hợp đồng, gia đình BMBH/NĐBH cũng đã khẳng định, xác nhận lại việc BMBH/NĐBH đã trực tiếp ký trên giấy yêu cầu bảo hiểm số UVL/2015-0433583.

Hơn nữa, BMBH/NĐBH đã không có ý kiến khác trong suốt quá trình yêu cầu, chấp nhận tham gia và thực hiện đóng phí bảo hiểm theo hợp đồng.

Điều 19 Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định về “Trách nhiệm cung cấp thông tin”:

1. Khi giao kết hợp đồng bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm, giải thích các điều kiện, điều khoản bảo hiểm cho bên mua bảo hiểm; bên mua bảo hiểm có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến đối tượng bảo hiểm cho doanh nghiệp bảo hiểm. Các bên chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin đó. Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm giữ bí mật về thông tin do bên mua bảo hiểm cung cấp.

2. Doanh nghiệp bảo hiểm có quyền đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng bảo hiểm và thu phí bảo hiểm đến thời điểm đình chỉ thực hiện hợp đồng bảo hiểm khi bên mua bảo hiểm có một trong những hành vi sau đây:

a) Cố ý cung cấp thông tin sai sự thật nhằm giao kết hợp đồng bảo hiểm để được trả tiền bảo hiểm hoặc được bồi thường;

b) Không thực hiện các nghĩa vụ trong việc cung cấp thông tin cho doanh nghiệp bảo hiểm theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 18 của Luật này.

Điều 4 của Điều khoản bảo hiểm An Phát Hưng Gia đã được Bộ Tài chính phê chuẩn, quy định:

Khoản 4.1: “*Bên mua bảo hiểm có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ và trung thực tất cả những thông tin có liên quan đến Người được bảo hiểm và Hợp đồng theo yêu cầu của Bảo Việt Nh đồng thời chịu hoàn toàn trách nhiệm về những thông tin đã cung cấp. Việc Bảo Việt Nh tiến hành kiểm tra sức khỏe của Người được bảo hiểm (nếu có) không thay thế nghĩa vụ này*”

Khoản 4.2: “*Trường hợp Bên mua bảo hiểm cố ý vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin, Hợp đồng sẽ chấm dứt hiệu lực và Bảo Việt Nh không phải hoàn lại cho Bên mua bảo hiểm số Phí bảo hiểm định kỳ và phí bảo hiểm của Sản phẩm hỗ trợ (nếu có) đã đóng mà chỉ hoàn lại Giá trị Tài khoản hợp đồng tương ứng với phí bảo hiểm đóng thêm (nếu có) trừ đi các quyền lợi bảo hiểm đã thanh toán, các khoản rút một phần Giá trị Tài khoản Hợp đồng, Khoản nợ (nếu có) và không chịu trách nhiệm bảo hiểm về những rủi ro đã phát sinh đối với Người được bảo hiểm*”

Như vậy, doanh nghiệp bảo hiểm đã cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm, giải thích các điều kiện, điều khoản bảo hiểm cho bên mua bảo hiểm;

BMBH/NĐBH đã vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin, cố ý cung cấp thông tin sai sự thật nhằm giao kết hợp đồng bảo hiểm để được trả tiền bảo hiểm hoặc được bồi thường nên Doanh nghiệp bảo hiểm có quyền đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng bảo hiểm và thu phí đến thời điểm đình chỉ thực hiện hợp đồng bảo hiểm.

Do đó, Bảo Việt Nh đã chấm dứt hiệu lực hợp đồng, không chịu trách nhiệm đối với các rủi ro đã phát sinh của BMBH/NDBH là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Kinh doanh bảo hiểm và Điều khoản An Phát Hưng Gia, đồng thời không mâu thuẫn với trường hợp không trả tiền bảo hiểm quy định tại Điều 39 Luật Kinh doanh bảo hiểm.

Dựa trên các bằng chứng nêu trên, Bảo Việt Nh đã giải quyết hoàn toàn chính xác và phù hợp, đảm bảo tuân thủ điều khoản được Bộ tài chính phê chuẩn và pháp luật kinh doanh bảo hiểm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H trình bày:

Bà Trần Thị H đã tiếp xúc tư vấn trực tiếp cho bà Nguyễn Thị Thùy Tr từ tháng 12 năm 2014 đến tháng 12 năm 2015 thì bà Tr mới đồng ý ký kết hợp đồng tham gia bảo hiểm. Quá trình thực hiện, bà đã thực hiện đúng quy trình bán hàng của tư vấn viên. Bên cạnh đó, bà Tr đã cung cấp các thông tin liên quan như bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm, người thụ hưởng. Bà Tr đã bị ung thư từ lâu, đã được điều trị nhưng lại không cung cấp thông tin. Bà Tr cũng đã đọc, xem đi xem lại và xác nhận. Bà H cũng đã tư vấn đầy đủ về hợp đồng bảo hiểm và giấy yêu cầu bảo hiểm, các điều khoản bảo hiểm, quyền và nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm hiểu rõ các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, các loại phí. Do đó, Bà H không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 19/5/2020, bà Trần Thị H giải thích: Ngày 13/12/2015, bà đến Văn phòng Công ty Bảo Việt Nh Quảng Trị đọc các thông tin mà bà Tr đưa để nhân viên Công ty hoàn chỉnh bản tài liệu minh họa hợp đồng bảo hiểm An Phát Hưng Gia của bà Tr. Sau khi in văn bản, bà điện thoại cho bà Tr để đưa bản Tài liệu minh họa hợp đồng thì bà Tr nói gửi nơi bà H để bà H đưa lại cho bà Tr. Đến ngày 15/12/2015, bà H nói là bà Tr đã đồng ý và ký rồi. Sau đó, Bà H hẹn bà Tr vào khoảng hai giờ rưỡi chiều đến quán bà H để đóng phí, ký và viết Giấy yêu cầu bảo hiểm. Tại quán của bà H, bà Tr đưa giấy chứng minh nhân dân của bà Tr, chị Tr và bản Tài liệu minh họa. Sau khi ký bản Tài liệu minh họa, bà bảo bà Tr viết các thông tin vào Giấy yêu cầu bảo hiểm nhưng bà Tr nói chữ xấu và viết sợ sai nên nhờ bà viết hộ. Bà đã viết giùm cho bà Tr những thông tin cá nhân, tại phần thông tin về sức khỏe, bà chỉ ghi nội dung chiều cao, cân nặng, sau đó bà đưa cho bà Tr kiểm tra những thông tin ghi giùm, còn bà Tr tự đọc các câu hỏi tiếp theo rồi đánh dấu X vào ô trống. Sau khi bà Tr đánh dấu X vào ô trống xong, bà Tr ký tên, bà viết Giấy nộp phí bảo hiểm ước tính rồi bà Tr đóng tiền phí và ký vào giấy nộp, bà giao liên hông cho bà Tr. Bà chỉ đưa bản Tài liệu minh họa hợp đồng bảo hiểm An Phát Hưng Gia cho bà H để chuyển cho bà Tr đọc và ký nhưng bà Tr không ký. Chiều 15/12/2015, tại quán bán áo quần 94 Nguyễn Trãi của bà H, bà Tr trực tiếp ký vào bản tài liệu minh họa hợp đồng bảo hiểm An Phát Hưng Gia, Giấy yêu cầu bảo hiểm, nộp phí và ký Giấy nộp phí bảo hiểm ước tính.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị H trình bày:

Mọi giấy tờ trong Hợp đồng bảo hiểm này đều do Tư vấn viên bà Trần Thị H tự kê khai, sau đó giao lại cho bà H để đưa cho bà Tr ký chứ Bà H hoàn toàn không gặp trực tiếp bà Tr.

Chính bà là người nhận bộ Hợp đồng bảo hiểm từ Bà H và hai năm sau mới giao lại cho bà Tr. Đây là quy định do Bảo Việt Nh đưa ra nhưng tư vấn viên không thực hiện, điều này làm ảnh hưởng đến quyền lợi của khách hàng về thời hạn cân nhắc được quy định tại Điều 22 Điều khoản bảo hiểm An Phát Hưng Gia.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2020/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Toà án nhân dân thành phố Đ đã quyết định:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 405 Bộ luật dân sự 2015; Điều 15, Điều 17, Điều 21, Điều 39 Luật Kinh doanh bảo hiểm; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Nguyễn Tú Tr về tranh chấp hợp đồng bảo hiểm.

Buộc Tổng Công ty Bảo Việt Nh phải trả số tiền bảo hiểm cho chị Trương Nguyễn Tú Tr 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ An Phát Hưng Gia (BV-NAUVL01), số 568701090 ngày 21/12/2015, ký kết giữa Tổng Công ty Bảo Việt Nh với bà Nguyễn Thị Thùy Tr

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, bà Trương Nguyễn Tú Tr có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Tổng Công ty Bảo Việt Nh chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì còn phải trả lãi, theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Buộc Tổng Công ty Bảo Việt Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*).

Hoàn trả lại cho chị Trương Nguyễn Tú Tr số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2018/0000301 ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/8/2020 bị đơn Tổng Công ty Bảo Việt Nh đã kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Toà án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị với lý do:

Bản án sơ thẩm đã không xem xét toàn diện, khách quan các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quy định của pháp luật liên quan, không căn cứ vào nội dung tranh tụng tại

phiên tòa để quyết định buộc Công ty Bảo Việt Nh trả tiền bảo hiểm cho nguyên đơn là chưa đúng quy định, cụ thể:

Trong quá trình giao kết hợp đồng số 568710090, tại Giấy yêu cầu bảo hiểm số UVL/2015-0433583 ngày 15/12/2015, BMBH/NĐBH đã tích “X” vào ô “không” – phần 5 về thông tin sức khỏe cá nhân. Bảo Việt Nh cho rằng việc Tư vấn viên viết hộ các thông tin trên Giấy yêu cầu bảo hiểm trên cơ sở các thông tin do BMBH/NĐBH cung cấp, BMBH/NĐBH trực tiếp tích dấu “X” vào các câu hỏi sức khỏe sau đã kiểm tra và trực tiếp ký tên trên GYCBH có nghĩa là BMBH/NĐBH đồng ý và chịu trách nhiệm với tính đầy đủ, trung thực của tất cả nội dung kê khai tại các trang của GYCBH.

Hiện nay, pháp luật kinh doanh bảo hiểm không quy định cấm Tư vấn viên kê khai hộ bên mua bảo hiểm và có quy định bên mua bảo hiểm có nghĩa vụ cung cấp thông tin đầy đủ, trung thực theo yêu cầu của doanh nghiệp bảo hiểm và chịu trách nhiệm với các thông tin mình đã cung cấp (điểm b khoản 2 Điều 18 và khoản 1 Điều 19 của Luật kinh doanh bảo hiểm). Đồng thời, bản thân bà Nguyễn Thị Thùy Tr biết mình bị bệnh nặng (thể hiện rõ tại Bệnh án năm 2015 của Bệnh viện TW Huế), nhưng không khai báo khi tham gia bảo hiểm cũng như trong suốt thời gian gần 03 năm thực hiện hợp đồng; ngoài ra, ngày 29/12/2017 bên mua bảo hiểm đã đến Bảo Việt Nh đề nghị thay đổi thông tin số chứng minh nhân dân, trong suốt quá trình hợp đồng có hiệu lực (34 tháng 19 ngày), bà Tr đã đóng 06 kỳ phí bảo hiểm và không có ý kiến nào khác về hợp đồng. Sau đó, bà Tr từ vong với nguyên nhân liên quan trực tiếp tới bệnh lý không kê khai tại Giấy yêu cầu bảo hiểm, do đó bà Tr đã vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin trung thực theo khoản 2 Điều 18, khoản 2 Điều 19 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000, sửa đổi bổ sung năm 2010 và Điều 4.1 điều khoản An Phát Hưng Gia và riêng biệt tại các điều cụ thể (Điều 4 và Điều 7).

Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 18, điểm a khoản 2 Điều 19 Luật kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 (được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 61/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc Hội); khoản 4.1, 4.2 Điều 4 điều khoản An Phát Hưng Gia yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Nguyễn Tú Tr.

Ngày 11/8/2020, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H đã kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị với lý do:

Bà Trần Thị H là tư vấn viên của Công ty Bảo Việt Nh Quảng Trị thuộc Công ty Bảo Việt Nh. Bà H đã tiếp xúc để tư vấn cho bà Nguyễn Thị Thùy Tr từ năm 2014 và tư vấn nhiều lần (tư vấn trực tiếp và tư vấn qua điện thoại), vào đầu tháng 12/2015 bà Tr đồng ý mua bảo hiểm. Sau khi trao đổi thống nhất, bà Tr mua gói có mức bảo vệ 300.000.000 đồng, mức phí tham gia 20.000.000 đồng/năm cho hợp đồng chính, định kỳ đóng phí 02 kỳ/năm. Sản phẩm bảo trợ mà bà Tr mua thêm gồm: Bảo hiểm trợ cấp nằm viện, Bảo hiểm thương tật bộ phận vĩnh viễn do tai nạn, Bảo hiểm phẫu thuật và điều trị

ngoại khoa. Bà Trđưa thông tin về họ tên, ngày tháng năm sinh, nơi cư trú để Bà H chạy bản Tài liệu minh họa hợp đồng bảo hiểm An Phát Hưng Gia.

Ngày 15/12/2015, bà Trký vào bản Tài liệu minh họa, Bà H nói bà Trviết các thông tin vào Giấy yêu cầu bảo hiểm, thì bà Trnói chữ xấu viết sợ sai nên nhờ bà viết hộ, Bà H hỏi bà H thì bà H cũng nói là “Kê cho hấn chó hấn có biết chi mà viết” nên Bà H viết dùm và điền các thông tin trên bản Tài liệu minh họa. Riêng phần thông tin về sức khỏe, bà Trnói chiều cao, cân nặng để Bà H ghi vào, sau đó Bà H bảo bà Trđọc các câu hỏi tiếp theo rồi đánh dấu X vào ô trống, kể cả huyết áp. Bà Trvừa đánh dấu X vừa bảo Bà H giải thích nếu có bệnh như trong các câu hỏi thì đánh dấu X vào ô “Có” nếu không có bệnh thì đánh dấu X vào ô “Không”. Sau đó Bà H kiểm tra lại rồi bảo bà Trký.

Sau khi Tổng Công ty bảo hiểm chấp nhận bảo hiểm, Bà H đã giao toàn bộ Hợp đồng bảo hiểm Nhân thọ cho bà Trvà bà Trcũng không có ý kiến phản hồi gì. Ngày 29/12/2017, bà Trđến Công ty Bảo Việt Nh Quảng Trị để đề nghị thay đổi thông tin khách hàng, cụ thể số chứng minh nhân dân đã kê trước đây do bị mờ nên đã kê sai và theo đề nghị của bà Tr, thông tin này đã được Công ty bảo hiểm chấp nhận thay đổi, trong khi đó bà Trđiều trị tại Bệnh viện TW Huế vào tháng 5/2015 và được kết luận K tuyến vú, nhưng bà Trvẫn giấu thông tin không thông báo cho Công ty Bảo Việt Nh Quảng Trị biết. Bà H đã tư vấn đầy đủ và giao bộ hợp đồng bảo hiểm cho bà Trthì bà Trmới biết để đóng phí theo định kỳ.

Sau khi bà Trchết, những người nhà của bà Trtrong đó có bà H có ý đồ quy trách nhiệm cho Bà H, nên đã cố tình điện thoại cho Bà H để ghi âm, dựng lên sự việc bà H tự mua bảo hiểm cho bà Tr, Bà H tự ghi Giấy yêu cầu bảo hiểm rồi gửi bà H đưa lên cho bà Trký để ghi âm. Tuy nhiên, các lời nói của bà H trong file ghi âm cũng mâu thuẫn với các lời khai tại phiên tòa sơ thẩm.

Biểu mẫu báo cáo tư vấn viên do Bảo Việt Nh phát hành quy định tại mục 3 phần các vấn đề khác ghi: “Bạn có chứng kiến BMBH/NĐBH trực tiếp kê khai đầy đủ, ký và ghi rõ họ tên trên giấy YCBH không?”, bà Trần Thị H đánh dấu vào ô “Có” là để đảm bảo tính chính xác và đầy đủ về thông tin và chữ ký của BMBH/NĐBH khi kê khai chứ không phải là để cấm TVV kê khai hộ, nhưng bản án sơ thẩm nhận định “Điều này chứng minh rằng Bảo Việt Nh có quy định cấm tư vấn viên bảo hiểm không được kê khai hộ cho người mua bảo hiểm trong hồ sơ hợp đồng bảo hiểm” là không đúng.

Vì vậy, bà Trần Thị H đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS, Điều 19 Luật kinh doanh bảo hiểm, Điều 4 của điều khoản bảo hiểm An phát Hưng Gia, xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 28/8/2020 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị có kháng nghị đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị với những lý do sau:

Trước khi hai bên ký Hợp đồng bảo hiểm Nhân thọ An Phát Hưng Gia số 568701090 ngày 21/12/2015 bà Nguyễn Thị Thùy Tr đã điều trị bệnh “Ung thư vú (P) di

căn gan, hạch nách, phổi” từ ngày 26/5/2015 đến ngày 14/6/2015 tại Bệnh viện Trung ương Huế. Tuy nhiên, trong quá trình ký kết Hợp đồng bảo hiểm, bà Trlại không kê khai tình trạng bệnh và quá trình điều trị trước đó. Tại Giấy yêu cầu bảo hiểm số UVL/2015-0433583 ngày 15/12/2015 bà Trđã tích “X” vào ô “không” tại câu hỏi số 17/A/II: “Khối u (lành tính hoặc ác tính), ung thư” và câu hỏi số 27/C/II của Phần 5 – Thông tin về sức khỏe cá nhân.

Tại phần Cam kết và Ủy quyền có nội dung: “Chúng tôi (BMBH/NĐBH...) đã được Tư vấn viên (Đại lý bảo hiểm) của Bảo Việt Nh giải thích rõ về thủ tục yêu cầu bảo hiểm, tài liệu minh họa HĐBH, các quyền lợi bảo hiểm, các điều kiện, điều khoản bảo hiểm... Chúng tôi đồng ý mua bảo hiểm và cam kết những nội dung kê khai tại Giấy yêu cầu bảo hiểm này cũng như bất cứ thông tin nào khác mà chúng tôi cung caaos cho Bảo Việt Nhâ thọ và/hoặc bác sỹ do Bảo Việt Nh chỉ định là đầy đủ và đúng sự thật. Chúng tôi không che dấu bất cứ thông tin nào có thể ảnh hưởng đến việc chấp nhận bảo hiểm và thực hiện bảo hiểm của Bảo Hiểm Nhân thọ. Chúng tôi hiểu và đồng ý rằng, việc kê khai hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ, không trung thực hoặc không chính xác có thể làm hợp đồng bảo hiểm không phát sinh hiệu lực hoặc làm chấm dứt hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm được giao kết trên cơ sở Giấy yêu cầu bảo hiểm này... Chúng tôi ký tên dưới đây cam kết rằng đã đọc, hiểu rõ và chấp nhận toàn bộ những nội dung đề cập ở trên”. Bà Nguyễn Thị Thùy Tr ký tên trên Giấy yêu cầu bảo hiểm với tư cách là Người được bảo hiểm và Bên mua bảo hiểm.

Tại khoản 4.1 Điều 4 của Điều khoản bảo hiểm An Phát Hưng Gia quy định: “Bên mua bảo hiểm có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ và trung thực tất cả những thông tin có liên quan đến Người được bảo hiểm và Hợp đồng theo yêu cầu của Bảo Việt Nh đồng thời chịu hoàn toàn trách nhiệm về những thông tin đã cung cấp. Việc Bảo Việt Nh tiến hành kiểm tra sức khỏe của người được bảo hiểm (nếu có) không thay thế nghĩa vụ này”. Đồng thời, tại điểm b khoản 2 Điều 18 Luật kinh doanh bảo hiểm quy định về nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm theo yêu cầu của doanh nghiệp bảo hiểm”.

Điều 573 Bộ luật dân sự năm 2015 cũng quy định: “Khi giao kết hợp đồng bảo hiểm thì theo yêu cầu của bên bảo hiểm, bên mua bảo hiểm phải cung cấp cho bên bảo hiểm đầy đủ thông tin có liên quan đến đối tượng bảo hiểm”.

Căn cứ kết quả kê khai tại Giấy yêu cầu bảo hiểm ngày 15/12/2015, đối chiếu với quy định của pháp luật thì bà Nguyễn Thị Thùy Tr đã vi phạm nghĩa vụ của BMBH/NĐBH trong hợp đồng bảo hiểm số 568701090 ngày 21/12/2015, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Bảo Việt Nhân thọ.

Mặt khác, hiện nay pháp luật kinh doanh bảo hiểm không quy định cấm Tư vấn viên kê khai hộ bên mua bảo hiểm. Việc Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào phần Cam kết của Tư vấn viên tại Giấy yêu cầu bảo hiểm và phần câu hỏi tại Báo cáo Tư vấn viên (không phải là một bộ phận của hợp đồng bảo hiểm) với nội dung: “Bạn có chứng kiến BMBH, NĐBH đã trực tiếp kê khai đầy đủ ký và ghi rõ họ tên trên GYCBH không?” để

lập luận, cho rằng Bảo Việt Nh có quy định cấm Tư vấn viên không được kê khai hộ cho người mua bảo hiểm là không có cơ sở.

Trên thực tế, BMBH/NĐBH bà Trđã vi phạm thỏa thuận, cam kết về việc kê khai đầy đủ, trung thực bệnh của mình, là ảnh hưởng đến quyền lợi của Bảo Việt Nh. Do đó phía bị đơn có quyền từ chối chi trả bảo hiểm và đơn phươg đình chỉ hợp đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật kinh doanh bảo hiểm và khoản 2 Điều 573 Bộ luật dân sự năm 2015. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Tổng Công ty Bảo Việt Nh phải trả số tiền bảo hiểm cho chị Trương Nguyễn Tú Tr 300.000.000 đồng là không đúng quy định của pháp luật.

Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Nguyễn Tú Tr.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Các đương sự tham gia phiên tòa đảm bảo đúng thủ tục, quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn Tổng Công ty Bảo Việt Nh và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Nguyễn Tú Tr.

Về án phí: Nguyên đơn chị Trương Nguyễn Tú Tr phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn chị Trương Nguyễn Tú Tr khởi kiện yêu cầu bị đơn Tổng Công ty Bảo Việt Nh phải bồi thường cho chị Tr số tiền 300.000.000 đồng theo Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ số 568701090 ngày 21/12/2015 được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Thùy Tr với Tổng Công ty Bảo Việt Nh. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ “Tranh chấp Hợp đồng bảo hiểm” theo quy định quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

Công ty Bảo Việt Nh Quảng Trị là Chi nhánh của Tổng Công ty Bảo Việt Nh. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Đ căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị đơn Tổng Công ty Bảo Việt Nh, kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị đều có cùng một nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trương Nguyễn Tú Tr. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Ngày 21/12/2015, Tổng Công ty Bảo Việt Nh đã có thông báo chấp nhận hợp đồng bảo hiểm nhân thọ An Phát Hưng Gia (BV-NAUVL01), số: 568701090 đối với người được bảo hiểm bà Nguyễn Thị Thùy Tr với Tổng Công ty Bảo Việt Nh, thời hạn bảo hiểm: 20 năm, kể từ ngày 15/12/2015, số tiền bảo hiểm là 300.000.000 đồng, định kỳ đóng 6 tháng/lần, phí bảo hiểm định kỳ ước tính của hợp đồng 10.484.470 đồng, gồm: hợp đồng bảo hiểm chính: 10.000.000 đồng, sản phẩm bổ trợ 1 (R11): 279.840 đồng; sản phẩm bổ trợ 2 (R12): 5.880 đồng; sản phẩm bổ trợ 3 (R16): 198.750 đồng. Người thụ hưởng là Trương Nguyễn Tú Tr, sinh ngày 01/01/1998. Hiệu lực hợp đồng tính đến thời điểm người được bảo hiểm chị Nguyễn Thị Thùy Tr tử vong (02/11/2018) là 34 tháng 19 ngày. Tổng phí đóng đến thời điểm tử vong là 62.926.960 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào ý kiến trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H (là tư vấn viên bảo hiểm), biên bản đối chất ngày 28/4/2020, bản ghi nội dung đoạn hội thoại giữa bà Trần Thị H với người làm chứng bà Nguyễn Thị H đã xác định được chữ ký tại Giấy yêu cầu bảo hiểm ngày 15/12/2015, Tài liệu minh họa hợp đồng bảo hiểm, Giấy nộp phí bảo hiểm ước tính ngày 15/12/2015 là của người mua bảo hiểm bà Nguyễn Thị Thùy Tr. Riêng đối với chữ viết tại Giấy yêu cầu bảo hiểm ngày 15/12/2015, bà Trần Thị H thừa nhận là viết giùm cho bà Trnhững thông tin cá nhân, còn về phần thông tin sức khỏe thì do bà Tr đánh dấu X vào ô tương ứng chứ không có việc kê khai hộ. Tại buổi đối chất ngày 28/4/2020, người làm chứng bà Nguyễn Thị H cũng cho rằng mọi giấy tờ trong Hợp đồng bảo hiểm này đều do Bà H tự kê khai sau đó giao lại cho bà H để đưa cho bà Tr ký chứ Bà H hoàn toàn không gặp trực tiếp bà Tr.

Theo Điều khoản bảo hiểm An Phát Hưng Gia tại mục 1.4 Điều 1 quy định: “*Giấy yêu cầu bảo hiểm là văn bản yêu cầu bảo hiểm của bên mua bảo hiểm theo mẫu của Bảo Việt Nh. Giấy yêu cầu bảo hiểm chỉ có hiệu lực kể từ khi Bảo Việt Nh chấp nhận bảo hiểm*”.

Tại phần cam kết và ủy quyền của người mua bảo hiểm, ghi: “*Chúng tôi, BMBH/NDBH ... đã được Tư vấn viên (Đại lý bảo hiểm) của Bảo Việt Nh giải thích rõ về thủ tục yêu cầu bảo hiểm, tài liệu minh họa HDBH, các quyền lợi bảo hiểm, các điều kiện, điều khoản bảo hiểm.... Chúng tôi đồng ý mua bảo hiểm và cam kết những nội dung kê khai tại Giấy yêu cầu bảo hiểm này cũng như bất cứ thông tin nào khác mà chúng tôi cung cấp cho Bảo Việt Nh và/hoặc bác sỹ do Bảo Việt Nh chỉ định là đầy đủ và đúng sự*

thật. Chúng tôi không che dấu bất cứ thông tin nào có thể ảnh hưởng đến việc chấp nhận bảo hiểm và thực hiện bảo hiểm của Bảo Hiểm Nhân thọ. Chúng tôi hiểu và đồng ý rằng, việc kê khai hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ, không trung thực hoặc không chính xác có thể làm Hợp đồng bảo hiểm không phát sinh hiệu lực hoặc làm chấm dứt hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm được giao kết trên cơ sở Giấy yêu cầu bảo hiểm này.....Chúng tôi ký tên dưới đây cam kết rằng đã đọc, hiểu rõ và chấp nhận toàn bộ những nội dung đề cập ở trên”.

Tại mục cam kết của Tư vấn viên: “Chúng tôi cam kết đã gặp trực tiếp khách hàng và đã tư vấn đầy đủ, chính xác cho khách hàng về thủ tục yêu cầu bảo hiểm, các điều kiện, điều khoản bảo hiểm, các loại phí, chi phí và phương thức phân bổ, khấu trừ...Chúng tôi cam kết rằng những thông tin trong Giấy yêu cầu bảo hiểm này là những thông tin duy nhất mà khách hàng cung cấp cho chúng tôi khi kê khai Giấy yêu cầu bảo hiểm. Chúng tôi không kê khai hộ, che giấu hoặc hướng dẫn cho khách hàng tạo dựng nên bất kỳ thông tin nào có thể gây ảnh hưởng đến quyết định chấp nhận bảo hiểm của Bảo Việt Nh đối với khách hàng”.

Tại phiên tòa, bị đơn Tổng Công ty bảo Hiểm Nh và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H đều cho rằng việc bà Nguyễn Thị Thùy Tr ký xác nhận vào Giấy yêu cầu bảo hiểm thì phải chịu trách nhiệm về những nội dung cam kết của mình, còn việc Tư vấn viên bảo hiểm viết giùm cho người mua bảo hiểm là không vi phạm. Nhưng theo biểu mẫu Báo cáo Tư vấn viên do Bảo Việt Nh phát hành được quy định tại mục 3 phần các vấn đề khác có ghi: “*Bạn có chứng kiến BMBH, NDBH đã trực tiếp kê khai đầy đủ, ký và ghi rõ họ tên trên GYCBH không?*”, bà Trần Thị H đánh vào ô “Có”. Điều này thể hiện, Bảo Việt Nh có quy định cấm tư vấn viên bảo hiểm không được kê khai hộ cho người mua bảo hiểm trong hồ sơ hợp đồng bảo hiểm. Nội dung cam kết của người mua bảo hiểm, tư vấn viên đã được Công ty bảo hiểm soạn thảo theo mẫu nên ý kiến của Bảo Việt Nh cho rằng người mua bảo hiểm đã ký tên vào Giấy yêu cầu bảo hiểm thì phải chịu trách nhiệm với những thông tin kê khai, nhưng phía Bảo Việt Nh không xác định rõ trách nhiệm của tư vấn viên đối với cam kết của họ là không khách quan. Tại khoản 2 Điều 405 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Trường hợp hợp đồng theo mẫu có điều kiện không rõ ràng thì bên đưa ra hợp đồng theo mẫu phải chịu bất lợi khi giải thích điều khoản đó*”. Tại Điều 21 Luật Kinh doanh bảo hiểm: “*Trong trường hợp hợp đồng bảo hiểm có điều khoản không rõ ràng thì điều khoản đó được giải thích theo hướng có lợi cho người mua bảo hiểm*”.

Đồng thời, ngày 21/12/2015, Bảo Việt Nh đã có thông báo chấp nhận bảo hiểm đối với bà Nguyễn Thị Thùy Tr và yêu cầu khách hàng kiểm tra lại thông tin trong hợp đồng, ký xác nhận vào Bản giao nhận hợp đồng và gửi lại cho tư vấn viên. Tuy nhiên, tại bản giao nhận hợp đồng đều không có chữ ký của bên mua bảo hiểm và tư vấn viên nên không thể hiện được tư vấn viên có trực tiếp giao, nhận hợp đồng bảo hiểm cho khách hàng hay không và giao vào thời điểm nào. Người làm chứng bà Nguyễn Thị H cho rằng, chính bà là người nhận bộ Hợp đồng bảo hiểm từ Bà H và hai năm sau mới giao lại cho bà Tr. Đây là quy định do Bảo Việt Nh đưa ra nhưng tư vấn viên không thực hiện, điều này làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bên mua bảo hiểm được tại điểm a khoản 2 Điều

17 của Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 và làm ảnh hưởng về thời hạn cân nhắc hợp đồng được quy định tại Điều 22 Điều khoản bảo hiểm An Phát Hưng Gia. Mặt khác, tại Công văn số 488/QLBH-NT ngày 20/6/2019 của Cục quản lý, giám sát bảo hiểm – Bộ Tài chính về việc giải quyết đơn thư của khách hàng gửi Tổng Công ty Bảo Việt Nh cũng đề nghị Tổng Công ty Bảo Việt Nh làm rõ quá trình tư vấn của đại lý Trần Thị H. Trong trường hợp đại lý Trần Thị H có vi phạm, đề nghị Tổng Công ty Bảo Việt Nh giải quyết quyền lợi bảo hiểm cho khách hàng theo quy định tại Điều 88 luật kinh doanh bảo hiểm. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Nguyễn Tú Tr buộc bị đơn Tổng Công ty Bảo Việt Nh phải trả số tiền bảo hiểm 300.000.000 đồng cho nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy kháng cáo của bị đơn Tổng Công ty Bảo Việt Nh, kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị là không có cơ sở để chấp nhận. cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí: Bị đơn Tổng Công ty Bảo Việt Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí phúc thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Tổng Công ty Bảo Việt Nh, kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 405 Bộ luật dân sự 2015; Điều 15, điểm a khoản 2 Điều 17, Điều 21, Điều 39, Điều 88 Luật Kinh doanh bảo hiểm; Điều 147, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Nguyễn Tú Tr, buộc Tổng Công ty Bảo Việt Nh phải trả cho chị Trương Nguyễn Tú Tr số tiền bảo hiểm 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ An Phát Hưng Gia (BV-NAUVL01), số 568701090 ngày 21/12/2015, ký kết giữa Tổng Công ty Bảo Việt Nh với bà Nguyễn Thị Thùy Tr.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, chị Trương Nguyễn Tú Tr có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Tổng Công ty Bảo Việt Nh chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì còn phải trả lãi, theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Tổng Công ty Bảo Việt Nh phải chịu 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000680 ngày 31/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Tổng Công ty Bảo Việt Nh còn phải nộp 15.000.000 (Mười lăm triệu đồng) đồng án phí.

Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000681 ngày 31/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Bà H đã nộp đủ tiền án phí.

Hoàn trả lại cho chị Trương Nguyễn Tú Tr số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000301 ngày 05/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Q. Trị;
- TAND TP Đông Hà;
- Chi cục THADS TP Đông Hà;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV; Tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ, VP Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hà